

**BỘ XÂY DỰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **266** /GCN-BXD

Hà Nội, ngày **13** tháng 9 năm 2022

**GIẤY CHỨNG NHẬN**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM**  
**CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG**  
**(Bổ sung)**

*Căn cứ Nghị định số 52/2022/NĐ-CP ngày 08/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;*

*Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;*

*Xét Hồ sơ đăng ký cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Nam Việt IDC ngày 03/8/2022 và Biên bản đánh giá tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng ngày 27/8/2022.*

**CHỨNG NHẬN:**

1. CÔNG TY TNHH TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM VIỆT IDC.

Mã số thuế: 4900835979.

Địa chỉ: Khối 5, xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

2. Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình.

Địa chỉ: Khối 5, xã Hợp Thành, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.

Đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với các chỉ tiêu thí nghiệm nêu trong Bảng danh mục kèm theo Giấy chứng nhận này.

3. Mã số phòng thí nghiệm: **LAS-XD 1802.**

4. Giấy chứng nhận này bổ sung cho Giấy chứng nhận số 16/GCN-BXD cấp ngày 20/01/2022 và có hiệu lực kể từ ngày ký đến hết ngày 20/01/2027.

**Nơi nhận:**

- Công ty TNHH tư vấn xây dựng Nam Việt IDC;
- SXD tỉnh Lạng Sơn (p/hợp);
- TT Thông tin (website);
- Lưu: VT, Vụ KHCN&MT.

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC**  
**CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG**



**Vũ Ngọc Anh**

# DANH MỤC CÁC PHÉP THỬ CỦA PHÒNG THÍ NGHIỆM LAS-XD 1802

(Kèm theo Giấy chứng nhận số: 266 /GCN-BXD ngày 13 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

STT (1)	Tên chỉ tiêu thí nghiệm (2)	Tiêu chuẩn kỹ thuật (3)
<b>I</b>	<b>VẬT LIỆU CÁT, ĐÁ DẪM (SỎI)</b>	
1	Phương pháp xác định vật liệu nhỏ hơn 0,075 mm có trong cốt liệu khoáng bằng phương pháp rửa	AASHTO T 11
2	Phương pháp xác định tỷ trọng và mức độ hấp thụ nước của cốt liệu	AASHTO T84/T85
<b>II</b>	<b>BỘT KHOÁNG DÙNG CHO BÊ TÔNG NHỰA</b>	
3	Đá xây dựng công trình thủy lợi – Xác định khối lượng riêng của đá trong phòng thí nghiệm	TCVN 8735-2012
4	Bột khoáng dùng cho hỗn hợp đá trộn nhựa – Xác định thành phần hạt, độ ẩm, hệ số thích nước	TCVN 12884-2:2020
<b>III</b>	<b>ĐẤT</b>	
5	Phân loại đất và hỗn hợp cấp phối đất cho mục đích xây dựng đường ô tô	AASHTO M 145
6	Thí nghiệm tỷ số chịu tải California (C.B.R)	AASHTO T193
7	Xác định dung trọng và độ ẩm của đất khi sử dụng đầm nén 2,5 kg và chiều cao rơi 305mm	AASHTO T99
8	Xác định dung trọng và độ ẩm của đất khi sử dụng đầm nén 4,54 kg và chiều cao rơi 457mm	AASHTO T180
9	Xác định độ ẩm của đất tại hiện trường	TCVN 8728:2012
10	Xác định khối lượng thể tích của đất tại hiện trường	TCVN 8729:2012
11	Xác định độ chặt sau khi đầm nén tại hiện trường	TCVN 8730:2012
12	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020
13	Đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông - Đầm nén Proctor	TCVN 12790:2020
<b>IV</b>	<b>NHỰA ĐƯỜNG</b>	
14	Bitum – Xác định độ hòa tan trong Tricloetylen	TCVN 7500:2005; ASTM D 2042-01
15	Nhựa đường Polime – Xác định độ đàn hồi của nhựa đường Polime	22TCN 319-04; ASTM 6084; AASHTO T301
<b>V</b>	<b>BÊ TÔNG NHỰA</b>	
16	Xác định tỷ trọng khối của hỗn hợp bê tông nhựa đã đầm nén sử dụng mẫu bọc Parafin	AASHTO T275

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
17	Xác định độ rỗng dư của hỗn hợp bê tông nhựa chặt và bê tông nhựa hở đã đầm chặt	ASTM D3203
18	Xác định ảnh hưởng của nước đến hỗn hợp bê tông nhựa đầm chặt	AASHTO T283
19	Xác định hàm lượng nước có trong hỗn hợp bê tông nhựa nóng bằng phương pháp tủ sấy	AASHTO T329
20	Bê tông nhựa – Phương pháp xác định góc cạnh của cốt liệu thô	TCVN 11807:2017; AASHTO T326
21	Mặt đường ô tô – Xác định sức kháng trượt của bề mặt đường bằng phương pháp con lăn Anh	TCVN 10271:2014; AASHTO T278; ASTM E303
22	Áo đường mềm – Xác định Mô đun đàn hồi, cường độ chịu kéo khi uốn	22 TCN 211-06
23	Xác định độ bong tróc của hỗn hợp bê tông nhựa	ASTM D3625; AASHTO T182
<b>VI</b>	<b>HỖN HỢP CÀO BÓC TÁI SINH NGUỘI SỬ DỤNG NHỮ TƯƠNG VÀ XI MĂNG, BITUM BỌT VÀ XI MĂNG</b>	
24	Xác định cường độ ép chế, hệ số cường độ kéo khi ép chế $TSR = ITS \text{ ướt} / ITS \text{ khô}$	ASTMD 6931; BS EN 12697-23
25	Thí nghiệm các chỉ tiêu cơ lý của lớp vật liệu tái chế nguội tại chỗ dùng cho kết cấu áo đường ô tô: Tái chế sâu sử dụng xi măng hoặc xi măng và nhũ tương nhựa đường; Tái chế sâu sử dụng nhựa đường bột và xi măng	TCVN 13150-1:2020; TCVN 13150-2:2020
<b>VII</b>	<b>BÊ TÔNG, XI MĂNG</b>	
26	Xác định cường độ sớm của bê tông để dự đoán cường độ trong thời gian tiếp theo	AASHTO T276; ASTM C981
27	Thí nghiệm tro bay hoặc Puzzolan tự nhiên sử dụng cho bê tông xi măng poóc lăng – Xác định độ ẩm, tỷ trọng, độ mịn, tăng co ngót do khô của các thanh vữa, chỉ số hoạt độ bền với xi măng pooc lăng	ASTM C311
28	Bê tông – Kiểm tra và đánh giá cường độ nén	TCVN 10303:2014
29	Bê tông – Phương pháp xác định cường độ bê tông lấy từ cấu kiện	TCVN 12252:2020
<b>VIII</b>	<b>HIỆN TRƯỜNG</b>	
30	Phương pháp thí nghiệm độ chặt hiện trường nền đắp đá, đá lẫn đất bằng phương pháp rót nước	ASTM D5030-04
31	Phương pháp thí nghiệm độ chặt hiện trường nền đắp đá, đá lẫn đất bằng phương pháp rót cát	ASTM D4914

STT	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật
(1)	(2)	(3)
32	Xác định dung trọng hiện trường bằng phương pháp phễu rót cát	AASHTO T191
33	Điện trở suất của mẫu bão hoà tiếp xúc đất	AASHTO T288
<b>IX</b>	<b>SƠN VẠCH ĐƯỜNG NHIỆT ĐỎ</b>	
34	Xác định màu sắc, phát sang, độ bền nhiệt	TCVN 2102:1993; AS2705S
35	Xác định điểm chảy mềm, độ mài mòn, độ không cháy, tỷ trọng	AS2341.18; JISK5400
36	Xác định thời gian khô không dính tay trong điều kiện nhiệt độ mặt đường thi công từ 10°C đến 55°C; Thử nghiệm hiện trường	AS 1580.401.8; JISK5400
37	Xác định độ dính bám	ASTM D4541
38	Xác định hàm lượng lượng titandioxit	ASTM D1394:76
39	Xác định hàm lượng Cacbonat canxi và chất độn trợ	AASHTO T250:97
40	Sơn tín hiệu giao thông – Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt đỏ – Xác định màu sắc, thời gian khô, độ bền nhiệt, độ chống trượt, nhiệt độ hóa mềm, độ mài mòn, khối lượng riêng, độ dính bám	TCVN 8791:2011; ASTM D6628
41	Sơn tín hiệu giao thông – Sơn vạch đường hệ nước – Xác định độ mịn, độ nhớt, màu sắc, độ bám dính, độ chống loang màu, độ mài mòn	TCVN 8786:2018
<b>X</b>	<b>VỮA XÂY DỰNG</b>	
42	Vữa chèn cáp dự ứng lực – Xác định lượng vón cục trên sàng, độ chảy, độ chảy lan toả, độ tách nước và thay đổi thể tích	TCVN 11971:2018
43	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co – Xác định độ chảy, độ tách nước, chiều cao cột vữa trong quá trình đông kết, sự thay đổi chiều dài của mẫu vữa đã cứng	TCVN 9204:2012
<b>XI</b>	<b>DUNG DỊCH BENTONITE</b>	
44	Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, tỷ lệ chất keo, lượng tách nước, độ dày áo sét, lực cắt tĩnh, tính ổn định, độ PH	TCVN 11893:2017
<b>XII</b>	<b>MƯƠNG BÊ TÔNG ĐÚC SẴN</b>	
45	Khả năng chịu tải ngang, khả năng chịu tải đứng, khả năng thấm nước, kích thước hình học	TCVN 6394:2014

**Ghi chú (\*):** Các tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật của phép thử thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.